ẢNH HƯỞNG CỦA HOẠT ĐỘNG PHÂN TÍCH THỂ LOẠI NGÔN BẢN ĐỐI VỚI KỸ NĂNG VIẾT CỦA SINH VIÊN

Nguyễn Thị Minh Tâm*

Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa các nước nói tiếng Anh,
Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài ngày 05 tháng 12 năm 2019
Chỉnh sửa ngày 03 tháng 01 năm 2020; Chấp nhận đăng ngày 30 tháng 03 năm 2019

Tóm tắt: Thể loại ngôn bản là khái niệm đã được nhiều học giả bàn luận và nghiên cứu. Kết quả của nghiên cứu về đặc điểm thể loại ngôn bản không chỉ đóng góp cho lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ học mà còn có những ứng dụng cho lĩnh vực giảng dạy ngôn ngữ (Cheng 2006, 2007; Johns, 2015). Việc phát triển cho sinh viên khả năng nhận diện đặc điểm các thể loại ngôn bản khác nhau, từ đó áp dụng trong việc sản sinh các ngôn bản thuộc đa dạng các thể loại là cần thiết để sinh viên có thể tốt nghiệp với các năng lực viết sản sinh sẵn sàng cho công việc với các vị trí việc làm đa dạng. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng hoạt động phân tích thể loại ngôn bản trong 7 tuần trên đối tượng là 21 sinh viên năm thứ 3 chuyên ngành tiếng Anh. Trong bài giữa kỳ và cuối kỳ của khóa học – đều dưới dạng sản sinh ngôn bản viết – sinh viên được yêu cầu đánh giá, điều chỉnh và sản sinh các ngôn bản thuộc cùng một thể loại sao cho các lựa chọn ngôn từ phù hợp với thể loại, bối cảnh, và cộng hưởng để phát huy tối đa hiệu quả giao tiếp của ngôn bản. Qua việc so sánh các ngôn bản trong bài làm của sinh viên, quan sát và trao đổi, chúng tôi phát hiện những thay đổi trong kỹ năng viết của sinh viên và thảo luận những thay đổi này trong mối quan hệ với hoạt động phân tích thể loại ngôn bản đã sử dụng.

Từ khóa: thể loại ngôn bản, phân tích thể loại, giảng dạy ngôn ngữ, kỹ năng viết

1. Dẫn nhập

Nhiều nghiên cứu đã cho thấy hoạt động phân tích thể loại ngôn bản có tác động tới việc phát triển các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cho người học, vì thế hoạt động này được sử dụng ngày càng nhiều trong các chương trình giảng dạy ngôn ngữ, đặc biệt là các khóa ngôn ngữ học thuật (Barwashi, 2003; Devitt, Reiff & Bawarshi, 2004; Cheng, 2008; Yasuda, 2011). Hasan (dẫn theo Halliday & Hasan, 1985) nhận định rằng các ngôn bản có cùng chung mục đích sử dụng thông thường có chung cấu trúc và vì vậy được xếp vào cùng một thể loại (Halliday & Hasan 1985). Việc hiểu được và khai thác được các đặc điểm chung của các ngôn bản trong cùng thể loại giúp người ta dễ dàng tiếp cận và phân tích các thông tin được truyền tải. Đối với người học ngoại ngữ, việc hiểu và khai thác được các đặc điểm thể loại ngôn bản giúp tăng hiệu quả các kỹ năng tiếp nhận ngôn ngữ, và từ đó có thể dẫn tới việc tăng hiệu quả các hoạt động sản sinh ngôn ngữ. Trong nghiên cứu ở bài viết này, tác giả dựa trên quan điểm của Cozma (2014) rằng: nếu muốn sinh viên quen với việc lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ để đảm bảo phục vụ hiệu quả những mục đích giao tiếp, giáo viên cần cho sinh viên cơ hội làm quen với các thể loại ngôn bản đa dạng để sinh viên có thể nhận diện, tiếp thu những kỹ năng cần thiết trong việc tiếp nhận và sản sinh ra các ngôn bản tương tự. Với quan điểm này,

* ĐT: 84-989 669 422.
Email: tamntm1982@vnu.edu.vn

tác giả tiến hành các hoạt động phân tích thể loại xen kẽ trong các giờ học ngôn ngữ học với mong muốn: ngoài việc hình thành các kiến thức, kỹ năng phân tích ngôn ngữ, trong quá trình thực hành áp dụng các kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ trong phân tích các ngôn bản thực để củng cố các kiến thức, kỹ năng này, người học đồng thời hình thành các hiểu biết về thể loại ngôn bản, và ứng dụng các hiểu biết đó để cải thiện kỹ năng viết của bản thân.

2. Tổng quan về thể loại ngôn bản và phân tích thể loại ngôn bản

Khái niệm thể loại ngôn bản được hình thành trên cơ sở quan sát thấy rằng: khi người ta thực hiện một hoạt động giao tiếp nào đó, người ta có xu hướng sử dụng ngôn ngữ theo những cách thức, mô-típ nhất định (Martin, 1985, tr.250). Ở những tình huống, bối cảnh giống nhau, cách lựa chọn ngôn ngữ và cách tiến hành các bước giao tiếp để đạt một mục đích nhất định có xu hướng lặp đi lặp lại theo quy ước chung giữa các thành viên trong cộng đồng ngôn ngữ (Bonyadi, 2012), vì thế những ngôn bản có cùng mục đích – sản phẩm ngôn ngữ được tạo ra trong các tình huống, bối cảnh giống nhau – có những đặc điểm chung, tạo nên bản sắc nổi bật của cả một tập hợp ngôn bản. Thể loại ngôn bản, theo Swales (1990, tr.58), được hình thành từ một lớp các sự kiện giao tiếp có mục đích giao tiếp chung, từ một chuỗi các ngôn bản có đặc điểm nổi bật chung, hội tụ các đặc điểm đại diện cho việc sử dụng ngôn ngữ trong một số tình huống có tính lặp lại. Những đặc điểm nổi bật được lặp lại này cho phép các thành viên trong cộng đồng ngôn ngữ dễ dàng nhận diện các ngôn bản thuộc cùng thể loại, dễ dàng đọc, hiểu các ngôn bản thuộc cùng thể loại, hoặc tạo ra ngôn bản thuộc thể loại tương tự (Hyland, 2008, tr.543). Quá trình hình thành ngôn bản trong mỗi thể loại là quá trình ngôn ngữ được sử dụng trong các (chuỗi) hoạt động nhằm dẫn dắt tới mục đích giao tiếp cụ thể, ngôn ngữ được sử dụng qua các bước diễn tiến rõ ràng trong một bối cảnh cụ thể, đặt trong một nền văn hóa cụ thể. Knapp và Watkins (1994) nhìn nhận thể loại ngôn bản ở hai cấp độ khác nhau, như minh họa trong Hình 1 dưới đây.

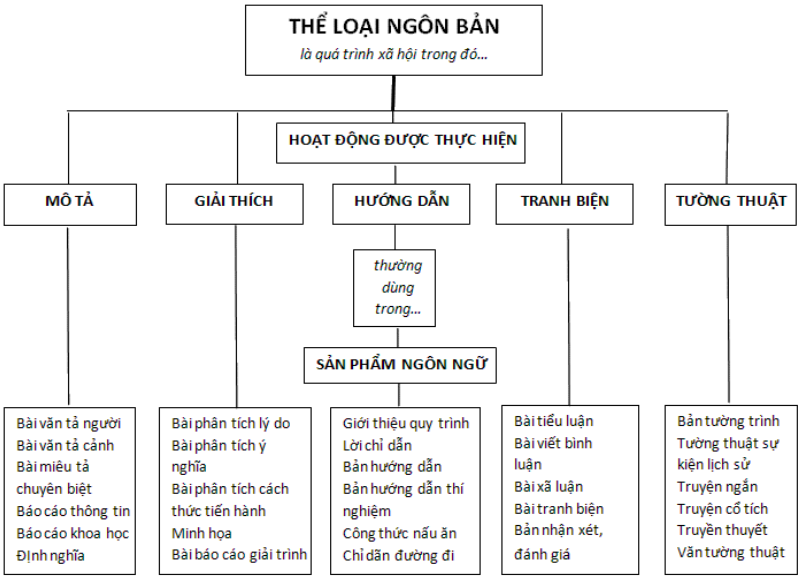

Hình 1. Phân loại các loại hình ngôn bản (dựa theo Knapp & Watkins, 1994)

Theo Knapp và Watkins (1994), ở cấp độ tổng quát, thể loại ngôn bản được nhận diện và phân loại dựa trên các quá trình xã hội như mô tả, giải thích, hướng dẫn, biện luận, tường thuật, v.v… được thực hiện với công cụ ngôn ngữ. Ở cấp độ cụ thể, thể loại ngôn bản được nhận diện và phân loại theo những sản phẩm ngôn ngữ cụ thể được tạo ra như chuyện kể, sách hướng dẫn, công thức nấu ăn, bài tranh biện. Trong nghiên cứu này, với mục đích cho người học tiếp xúc, trải nghiệm, từ đó sản sinh thuật ngữ "thể loại ngôn bản" được hiểu ở mức độ chi tiết hơn 2 cấp độ của Knapp và Watkins (1994): *thể loại ngôn bản dùng để chỉ tập hợp các sản phẩm ngôn ngữ thuộc cùng chủ đề, được tạo ra với muc đích giao tiếp giống nhau trong các tình huống giao tiếp giống nhau, qua kênh giao tiếp giống nhau*. Mục đích giao tiếp của thể loại càng hẹp, càng bó gọn trong lĩnh vực chuyên môn thì các ngôn bản cùng thể loại càng có nhiều đặc điểm giống nhau, các sản phẩm ngôn ngữ đặc trưng cho thể loại càng có tính chuyên biệt, cụ thể thì các ngôn bản cùng thể loại càng có nhiều điểm nổi bật giống nhau.

Phân tích thể loại ngôn bản (genre analysis), hay gọi tắt là phân tích thể loại có thể được hiểu là một lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ với trọng tâm của hoạt động phân tích nghiên cứu đặt ở cấp độ trên câu (beyond the sentence level) (Bhatia, 2004). Phân tích thể loại, hiểu một cách cụ thể hơn, là phương pháp phân tích ngôn bản đặc biệt (Hyland, 2019), được tiến hành bằng cách mô tả các thành phần cấu thành nên ngôn bản và các đặc điểm nổi bật của thể loại ngôn bản để trả lời câu hỏi: tại sao các thành viên trong cộng đồng lại sử dụng ngôn ngữ theo quy trình cách thức như vậy (Bhatia, 2013). Các hoạt động phân tích thể loại tập trung khai thác, tìm hiểu cấu trúc và các đặc điểm khái quát về sử dụng ngôn ngữ trong mối tương quan chặt chẽ với mục đích giao tiếp và các yếu tố bối cảnh. Quá trình phân tích thể loại ngôn bản giúp cung cấp thông tin về việc những người tham gia giao tiếp làm gì với ngôn ngữ mà họ đang sử dụng và họ sắp xếp các "tài nguyên ngôn ngữ" (Halliday, 1970) như thế nào để đạt mục đích giao tiếp nhất định. Trong phân tích thể loại, mục đích giao tiếp chung của thể loại ngôn bản và mục đích giao tiếp riêng của từng loại ngôn bản là yếu tố cần được xác định đầu tiên, làm căn cứ để đánh giá mức độ hiệu quả và hợp lý của cấu trúc và các chọn lựa ngôn ngữ trong ngôn bản với việc hiện thực hóa mục đích giao tiếp (Martin, 1985), chứ không đi sâu vào các phân tích vi mô với từng thành phần ngôn ngữ nhỏ lẻ.

Quá trình phân tích thể loại nhìn chung đòi hỏi người phân tích phải có hiểu biết trong lĩnh vực chuyên môn và học thuật để có thể hiểu, mô tả, và kiến giải nội dung ngôn bản. Vì thế, với các ngôn bản có tính chuyên biệt cao, hàm lượng chuyên môn sâu, chỉ các thành viên thuộc cùng cộng đồng nghề nghiệp hoặc học thuật mới có khả năng tiếp nhận, vì việc hiểu ngôn bản không chỉ yêu cầu xác định mục đích giao tiếp mà còn yêu cầu hình dung được các quy chuẩn trong bối cảnh giao tiếp đặc thù – điều này chỉ có thể hình thành nếu người tiếp nhận ngôn bản có trải nghiệm thường xuyên với bối cảnh đặc thù đó (Bhatia, 2013, tr.49). Như vậy, đối với người học ngoại ngữ, khi tiếp cận với những ngôn bản thuộc thể loại có tính chuyên biệt cao, để hiểu và phân tích, khai thác được ngôn bản, và xa hơn là để sản sinh ra những ngôn bản tương tự, người ta cần có các trải nghiệm để hiểu sâu những đặc tính chuyên biệt của thể loại. Vì vậy, để đảm bảo người học có khả năng sản sinh những ngôn bản có tính chuyên biệt cao, tính "nghề" cao, cần cho họ trải nghiệm đọc và phân tích ngôn bản.

3. Hoạt động phân tích thể loại trong quan hệ với việc phát triển kỹ năng viết

Các nghiên cứu về dạy và học ngôn ngữ dựa trên thể loại cho thấy có tồn tại mối quan

hệ giữa các hoạt động phân tích thể loại và việc phát triển các kỹ năng ngôn ngữ của người học (Barwashi, 2003; Devitt, Bawarshi & Reiff, 2004; Cheng, 2008; Yasuda, 2011). Tuy nhiên, các lớp học ngoại ngữ trong thực tế, vốn đã là môi trường tiếng không thực, lại thường chỉ chú trọng nhiều tới các hoạt động giao tiếp có sử dụng ngoại ngữ làm công cụ để luyện tập ngữ pháp, từ vựng (Sakari & Hirose, 1996), vì thế người học thường chỉ quan tâm tới ngôn ngữ qua các khía cạnh ngữ pháp từ vựng của nó (ngôn ngữ cần được nói, viết sao cho đúng ngữ pháp, chọn từ sao cho đúng sắc thái nghĩa) chứ ít khi quan tâm tới các khía cạnh ngữ dụng (ngôn ngữ cần được lựa chọn ra sao cho phù hợp với bối cảnh, mục đích giao tiếp) (Alcón, 2005; Koike & Pearson, 2005). Có lẽ cũng vì lý do này, trong kỹ năng viết sản sinh, nhiều người học ngoại ngữ dường như quên mất rằng ngôn bản được tạo ra không phải là một thực thể đơn độc, ngôn bản không thể tách khỏi bối cảnh (Yasuda, 2011), vì vậy ít quan tâm thỏa đáng tới các yếu tố bối cảnh (đối tượng người đọc hướng tới mối quan hệ quyền lực cần được thiết lập, kênh truyền thông tin, bối cảnh văn hóa xã hội, v.v...), cũng không tập trung đủ hiệu quả "tài nguyên ngôn ngữ" (Halliday, 1970) cho việc đạt mục đích giao tiếp chủ đạo của ngôn bản. Sự lãng quên và thiếu tập trung này trong quá trình viết là nguyên nhân gây ra sự thiếu mạch lạc, chặt chẽ, hướng đích của ngôn ngữ trong bài viết, cũng như ảnh hưởng tới sự đồng điệu giữa nội dung, cách thức thể hiện bài viết với người đọc và bối cảnh. Vì vậy, để người học ngoại ngữ có thể viết mạch lạc, chặt chẽ, hướng đích hơn, bài viết phù hợp với người đọc và bối cảnh hơn, quá trình dạy và học ngoại ngữ cần hướng sự quan tâm của người học vào sự tương thích giữa các đặc điểm của từng ngôn bản độc lập với thể loại của ngôn bản, giữa mục đích giao tiếp và các yếu tố bối cảnh với các chọn lựa ngôn ngữ trong ngôn bản.

Trong nghiên cứu của mình, Ortega (2010) đã chỉ ra rằng kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ và năng lực viết sản sinh có mối quan hệ tương hỗ trong quá trình học ngoại ngữ. Vì vậy, khi người học được củng cố các kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ thông qua các hoạt động thực hành chuyên sâu, kỹ năng sản sinh ngôn ngữ của người học có khả năng được cải thiện hơn. Hoạt động phân tích thể loại là dạng hoạt động phân tích ngôn ngữ vừa tạo cho người học cơ hội áp dụng các kiến thức, kỹ năng phân tích ngôn ngữ trong các ngôn bản thực tế, vừa tạo cơ hội để người học làm quen với đặc điểm nổi bật, thậm chí là quy chuẩn của mỗi thể loại ngôn bản trong tương tác với đối tượng tiếp nhận và bối cảnh, từ đó hình thành nhận thức về đặc điểm ngôn ngữ điển hình của các thể loại ngôn bản. Quá trình phân tích các ngôn bản điển hình cùng thể loại là cơ hội để người học tìm hiểu sâu mối quan hệ giữa các yếu tố ngữ pháp, từ vựng và cấu trúc tổng thể của từng thể loại (Martin, 2009); nhận thức về thể loại vì vậy được tích lũy dần. Quá trình dạy học nếu làm rõ được vai trò của "tài nguyên ngôn ngữ" (Halliday, 1970) trong các quá trình tạo nghĩa/ sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp thì người học sẽ hiểu rõ được tầm quan trọng của các chọn lựa ngôn ngữ (ở các cấp độ khác nhau) với mục đích giao tiếp, mức độ mạch lạc, chặt chẽ, phù hợp đối tượng tiếp nhận và bối cảnh của các ngôn bản, thì có khả năng người học sẽ đánh giá, lựa chọn ngôn ngữ hiệu quả hơn hơn trong quá trình sản sinh (nói hay viết) các ngôn bản tương tự (Caffarel, 2006). Việc phân tích cụ thể, chi tiết đặc điểm cấu trúc, ngôn từ của các ngôn bản điển hình là cơ hội để người học vận dụng kiến thức, kỹ năng phân tích ngôn ngữ từ đó hiểu sâu hơn về các khái niệm và bình diện ngôn ngữ, đồng thời khái quát hóa các đặc điểm tổng quát, nổi bật của ngôn bản trong thể loại, từ đó xác định được yêu cầu cần đạt khi sản sinh ngôn bản cùng thể loại (Cheng, 2011). Nhận thức về

quan hệ giữa mục đích giao tiếp với đặc thù ngôn ngữ của ngôn bản trong thể loại là nền tảng cho người học phát triển khả năng viết và nói ngoại ngữ song song với phát triển các kiến thức ngôn ngữ thuần túy (Yasuda, 2011).

Từ những quan điểm đã trình bày ở trên, tác giả đi đến nhận định rằng: nhận thức về thể loại ngôn bản có khả năng định hướng cho người học ngoại ngữ trong các kỹ năng sản sinh – kỹ năng nói và viết ngoại ngữ ở chỗ: khi có cơ hội vận dụng các kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ để khảo sát, tìm hiểu sâu mối tương quan giữa các chọn lựa ngôn ngữ với mục đích, hiệu quả giao tiếp, đối tượng tiếp nhận, bối cảnh, người học sẽ có khả năng tạo ra được những ngôn bản cùng thể loại với các đặc điểm tương tự. Ngoài ra, khi được trang bị các kiến thức ngôn ngữ và được giáo viên hỗ trợ các kỹ năng phân tích ngôn bản thuần thục, người học sẽ có khả năng đánh giá được mức độ phù hợp giữa các chọn lựa ngôn ngữ với mục đích, đối tượng tiếp nhận và bối cảnh của ngôn bản. Trong lớp học ngoại ngữ hay các lớp học chuyên môn kết hợp ngoại ngữ (Content and Language Integrated Learning – CLIL), giáo viên có thể sử dụng các hoạt động phân tích thể loại để hỗ trợ, định hướng cho người học vận dụng các kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ học để tự đánh giá và tự điều chỉnh ngôn ngữ sao cho phù hợp đối tượng tiếp nhận, bối cảnh và mục đích hướng tới, nhờ đó tối ưu hóa các chọn lựa ngôn ngữ trong bài viết của bản thân. Các hoạt động phân tích thể loại có thể là hoạt động kết nối kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ học thuần túy với năng lực sử dụng ngoại ngữ của sinh viên.

4. Nghiên cứu ảnh hưởng của hoạt động phân tích ngôn bản đối với kỹ năng viết của sinh viên

4.1. Câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu này được tiến hành theo mô hình nghiên cứu hành động để quan sát những ảnh hưởng của hoạt động phân tích thể loại tới việc sinh viên vận dụng những kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ học thuần túy để nâng cao kỹ năng viết ngoại ngữ trong một số thể loại ngôn bản nhất định. Câu hỏi nghiên cứu được đặt ra là:

Việc sử dụng các hoạt động phân tích thể loại trong lớp học ngôn ngữ có ảnh hưởng ra sao tới quá trình phát triển khả năng viết sản sinh của sinh viên trong một số thể loại ngôn bản nhất định?

4.2. Phương pháp và công cụ nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành với giả thuyết rằng các hoạt động phân tích thể loại trong lớp học ngôn ngữ học là môi trường thuận lợi để sinh viên hiểu được ngôn ngữ cần được lựa chọn như thế nào để cộng hưởng với mục đích giao tiếp, nhằm tăng hiệu quả truyền thông tin và đạt mục đích của ngôn bản, sinh viên biết cách chú trọng hơn tới ngôn ngữ sử dụng trong bài viết, kỹ năng viết sản sinh của sinh viên vì thế mà được phát triển hơn.

Nghiên cứu được tiến hành với một lớp gồm 21 sinh viên chuyên ngữ năm thứ 3 trong khóa học Ngôn ngữ học Anh, nơi sinh viên làm quen với các khái niệm ngôn ngữ học, luyện tập các kỹ năng phân tích ngôn ngữ, và song song với các kiến thức, kỹ năng phân tích ngôn ngữ này, các kỹ năng tiếng cũng được tích hợp phát triển một cách gián tiếp suốt khóa học. Ba chuẩn đầu ra chính của khóa học là: (i) sinh viên hiểu các kiến thức ngôn ngữ được giới thiệu trong khóa học và áp dụng các kiến thức này để phân tích ngôn bản theo nhiều khía cạnh ngôn ngữ khác nhau, với các kỹ năng phân tích chuyên sâu; (ii) sinh viên có khả năng vận dụng những hiểu biết và kỹ năng phân tích ngôn ngữ đã hình thành trong khóa học để đánh giá ngôn bản về mức độ phù hợp đối tượng tiếp nhận và bối cảnh, tính hướng đích, tính mạch lạc, và tính hiệu

quả của ngôn ngữ trong việc truyền tải thông tin; và (iii) sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ hình thành trong suốt khóa học vào quá trình tiếp thụ và sản sinh ngôn ngữ của bản thân, cải thiện kỹ năng thực hành tiếng nước ngoài.

Nội dung kiến thức ngôn ngữ được giới thiệu trong khóa học gồm: ngôn bản, ngôn cảnh, trường, phương thức, không khí, hệ thống chuyển tác, hệ thống thức, tình thái, cấu trúc đề thuyết, và tính mạch lạc trong ngôn bản – đây là những khái niệm, hệ thống xuất hiện trong bất kỳ ngôn bản nào. Trong quá trình dạy học, cũng là quá trình tác giả tiến hành nghiên cứu, sinh viên được giới thiệu các kiến thức ngôn ngữ như liệt kê trên đây và được luyện tập các kỹ năng phân tích ngôn ngữ có vận dụng các kiến thức đó qua quá trình tiếp cận, khai thác thông tin, và đánh giá ngôn bản theo từng thể loại.

Đối tượng tham gia trong nghiên cứu này là 21 sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh năm thứ ba của một trường chuyên ngữ. Trong suốt hai năm học đầu tiên tại trường đại học, các sinh viên này được học các kỹ năng thực hành tiếng (nghe, nói, đọc, viết ngoại ngữ) trong các khóa học tập trung, được định hướng tiếp cận và khai thác các ngôn bản đa dạng thuộc thể loại từ xã hội tới học thuật, với các khóa học thiết kế cho đối tượng chuẩn đầu vào bậc 2-3 theo Khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam và hướng tới chuẩn đầu ra bậc 5 theo Khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam khi tốt nghiệp. Chương trình dạy kỹ năng viết được thiết kế dựa trên chủ đề (theme-based) kết hợp với dựa trên thể loại (genre-based), bắt đầu với những thể loại xã hội đơn giản như viết thư, viết email, bài văn miêu tả đơn giản đến các bài nghị luận, bình luận sách/phim, hay viết đề cương nghiên cứu. Bước vào năm thứ 3, các khóa học tập trung rèn luyện kỹ năng tiếng được thay thế bằng các khóa học lý thuyết tiếng. Ở thời điểm này, một số sinh viên đã hình thành năng lực tiếng đạt chuẩn đầu ra bậc 5, nhưng nhiều sinh viên mới chỉ đạt bậc 4, và năng lực tiếng của học cần được tiếp tục hình thành qua các khóa học lý thuyết tiếng và quá trình tự học của sinh viên. Như vậy, các khóa học lý thuyết tiếng cần các đặc điểm của các khóa học chuyên môn kết hợp ngoại ngữ (CLIL), tức là giáo viên cần tạo cơ hội cho sinh viên rèn luyện, nâng cao năng lực thực hành tiếng trong các hoạt động học kiến thức và kỹ năng chuyên môn, cụ thể trong các khóa học này là các kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ học. Tuy nhiên, với nội dung kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ học khá nặng, nhiều giáo viên dạy các môn lý thuyết tiếng thường ít quan tâm tới các hoạt động giúp sinh viên vận dụng chính những kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ được học vào rèn luyện, nâng cao năng lực thực hành tiếng của bản thân.Việc áp dụng các hoạt động phân tích thể loại trong lớp học ngôn ngữ học tiếng Anh như ở nghiên cứu này là nỗ lực để hỗ trợ sinh viên vận dụng những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về ngôn ngữ trong nội dung khóa học để tiếp tục phát triển, hoàn thiện năng lực tiếng, hướng tới chuẩn đầu ra bậc 5 khi tốt nghiệp.

Hoạt động nghiên cứu

Nghiên cứu được thiết kế theo mô hình nghiên cứu hành động của Kemmis và McTagart (1988) với 4 giai đoạn: lập kế hoạch cho can thiệp sư phạm, can thiệp sư phạm, quan sát quá trình can thiệp sư phạm, và phản hồi, đánh giá về can thiệp sư phạm đã thực hiện để điều chỉnh cho can thiệp sư phạm ở chu kỳ sau. Bài viết này mô tả và thảo luận về chu kỳ nghiên cứu đầu tiên bắt đầu từ tháng 3 và kết thúc vào tháng 5 năm 2019, với 7 tuần trong khóa học (gồm 3 tuần thuyết giảng (lectures), 3 tuần tư vấn học trên lớp (in-class tutorials), 1 tuần thuyết trình sản phẩm giữa kỳ) và 2 tuần sau khóa học dành cho sinh viên

làm bài tập kết hợp với các trao đổi tư vấn học trực tuyến (online tutorials) với giáo viên.

Can thiệp sư phạm được tiến hành xuất phát từ quan sát thực tế rằng: trong các khóa học lý thuyết tiếng, các kỹ năng thực hành tiếng có thể được kết hợp phát triển xen kẽ các hoạt động học kiến thức và kỹ năng phân tích ngôn ngữ. Tuy nhiên, trước đây trong các khóa học tương tự, dường như còn thiếu vắng một yếu tố "cầu nối" giữa việc sinh viên thu nhận thêm kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ học và việc tăng cường, cải thiện kỹ năng thực hành tiếng cho sinh viên trong khóa học. Mục đích của việc sử dụng hoạt động phân tích thể loại trong can thiệp sư phạm là để tận dụng ảnh hưởng của các hoạt động phân tích thể loại ngôn bản trong việc phát triển kỹ năng viết của sinh viên trong một số ngôn bản nhất định. Để đạt được mục đích trên, nghiên cứu đặt ba mục tiêu nhỏ cho các giai đoạn của bài học (i) định hướng cho sinh viên hình thành nhận thức về những đặc điểm nổi bật của một số thể loại ngôn bản; (ii) tạo cho sinh viên cơ hội rèn luyện các kỹ năng phân tích ngôn ngữ chuyên sâu với ngôn bản thuộc từng thể loại, từ đó sinh viên có khả năng hiểu tường tận những kiến thức ngôn ngữ đã học và dựa trên những hiểu biết đó để đánh giá hiệu quả của các chọn lựa ngôn ngữ với mục đích giao tiếp, sự phù hợp với đối tượng tiếp nhận và bối cảnh của ngôn bản; và (iii) người học áp dụng được kiến thức ngôn ngữ, kỹ năng phân tích ngôn ngữ được tích lũy trong khóa học và nhận thức về thể loại qua các hoạt động phân tích thể loại để tự đánh giá được hiệu quả của các chọn lựa ngôn ngữ với mục đích giao tiếp, sự phù hợp với đối tượng tiếp nhận và bối cảnh trong chính bài viết của mình, từ đó cải thiện được các chọn lựa ngôn ngữ trong bài.

Nội dung và hoạt động dạy học, vai trò của giáo viên và sinh viên trong các giờ thuyết giảng, tư vấn học trên lớp, tư vấn học trực tuyến, bài tập giữa kỳ và cuối kỳ được tóm tắt trong Bảng 1 dưới đây.

Bảng 1. Hoạt động dạy và học trong thời gian tiến hành can thiệp sư phạm

Tuần	Buổi	Hoạt động của sinh viên	Hoạt động của giáo viên
0	Các nội dung đã hoàn thành: Language, Context and Function Functional labels and ranks Overview of functional grammar and the metafunctions Contextual aspects of the texts (Field, Mode, Tenor)		
1	Buổi thuyết giảng 1: Siêu chức năng liên nhân (Interper-sonal meaning): Thức và Tình thái	Học khái niệm về thức và tình thái, cách phân loại và những hình thức thể hiện của thức và tình thái Học cách phân tích thức và tình thái.	Giới thiệu khái niệm về thức và tình thái, cách phân loại và những hình thức thể hiện của thức và tình thái; Làm mẫu, minh họa cách phân tích thức và tình thái trong ngôn bản
2	Buổi tư vấn học 1: Luyện tập các kiến thức, kỹ năng học trong buổi thuyết giảng 1 qua các hoạt động phân tích ngôn bản	Phân tích 3 biển hướng dẫn thông tin trên bình diện liên nhân; Đánh giá sự phù hợp giữa thức và tính thái ngôn ngữ với mục đích truyền tải thông tin của thể loại biển hướng dẫn; Đề xuất việc chỉnh sửa những điểm chưa phù hợp về thức và tình thái để cải thiện mục đích truyền tải thông tin của thể loại biển hướng dẫn	Chọn lựa các biển hướng dẫn (dạng ảnh chụp) để cung cấp cho sinh viên; Hướng dẫn sinh viên phân tích thức và tình thái; Hỗ trợ, dẫn dắt phần hỏi đáp về bài phân tích; Quan sát mức độ sinh viên nhận diện đặc điểm thể loại của biển hướng dẫn.

3	Buổi thuyết giảng 2: Siêu chức năng kinh nghiệm / biểu đạt (Representational meaning): Hệ thống chuyển tác	Học khái niệm về hệ thống chuyển tác, cách phân loại và những hình thức thể hiện của các kiểu quá trình, tham thể, và chu cảnh; Học cách phân tích quá trình, tham thể, và chu cảnh.	Giới thiệu khái niệm về thức và tình thái, cách phân loại và những hình thức thể hiện của các kiểu quá trình, tham thể, và chu cảnh; Làm mẫu, minh họa cách phân tích quá trình, tham thể, và chu cảnh.
4	Buổi tư vấn học 2: Luyện tập các kiến thức, kỹ năng học trong buổi thuyết giảng 1 và 2 qua các hoạt động phân tích ngôn bản	Phân tích các bài viết trên trang web giới thiệu các điểm du lịch theo các thành phần hệ thống chuyển tác; Đánh giá sự phù hợp giữa các kiểu quá trình, tham thể, chu cảnh trong ngôn ngữ các bài viết với mục đích truyền tải thông tin của thể loại; Dựa trên nội dung của bài viết để chuyển thể bài viết thành bài thuyết minh về điểm du lịch cho khách tham quan tại điểm du lịch; Nhập vai hướng dẫn viên du lịch để thực hiện bài thuyết minh.	Cung cấp 2 bài viết trên trang web giới thiệu các điểm du lịch cho mỗi nhóm; Hướng dẫn sinh viên phân tích các thành phần trong hệ thống chuyển tác; Hỗ trợ, dẫn dắt phần hỏi đáp về bài phân tích; Quan sát mức độ sinh viên nhận diện đặc điểm thể loại, mối quan hệ giữa lựa chọn ngôn ngữ tới các mục đích truyền thông tin và kênh truyền thông tin.
5	Buổi thuyết giảng 3: Siêu chức năng văn bản (Textual meaning): Phương tiện kết nối và Cấu trúc đề thuyết	Học khái niệm về mạch lạc, hệ thống đề ngữ, cách phân loại và những hình thức thể hiện của các phương tiện kết nối, đề và thức; Học cách phân tích các phương tiện kết nối, đề và thức.	Giới thiệu khái niệm về thức và tình thái, cách phân loại và những hình thức thể hiện của các phương tiện kết nối, đề và thức; Làm mẫu, minh họa cách phân tích các phương tiện kết nối, đề và thức.
6	Buổi tư vấn học 3: Luyện tập các kiến thức, kỹ năng học trong buổi thuyết giảng 1, 2 và 3 qua các hoạt động phân tích ngôn bản	Phân tích phương tiện liên kết và cấu trúc đề thuyết trong một số thể loại gần gũi với sinh viên (sinh viên chọn 3 bài đăng trên blog/ hướng dẫn sử dụng sản phẩm / giới thiệu khóa học / tài liệu hướng dẫn du lịch / phần giới thiệu sách / bài luận); Đánh giá sự phù hợp giữa mức độ kết nối các phần và diễn tiến đề thuyết trong ngôn bản với mục đích giao tiếp của từng bài và của cả thể loại nói chung; Điều chỉnh ngôn ngữ trong ngôn bản để tăng tính mạch lạc, kết nối, từ đó tăng hiệu quả truyền thông tin và sự phù hợp của ngôn bản với đối tượng tiếp nhận và bối cảnh.	Xem xét sự phù hợp và duyệt các ngôn bản do mỗi nhóm lựa chọn; Hướng dẫn sinh viên phân tích các thành phần trong hệ thống chuyển tác; Hỗ trợ, dẫn dắt phần hỏi đáp về bài phân tích; Quan sát mức độ sinh viên nhận diện đặc điểm thể loại, mối quan hệ giữa lựa chọn ngôn ngữ tới các mục đích truyền thông tin và kênh truyền thông tin.
7	Bài giữa kỳ theo hình thức phân tích thể loại	Phân tích hệ thống thức, chuyển tác, đề ngữ, tình thái và phương tiện kết nối trong 3 - 5 bài luận mẫu thuộc 1 trong các loại sau: miêu tả, tường thuật, và nghị luận; Đánh giá mối quan hệ giữa các đặc điểm ngôn bản với mục đích giao tiếp và đặc điểm chung của thể loại; Điều chỉnh ngôn ngữ trong các bài luận để nâng cao hiệu quả truyền tải thông tin và sự phù hợp và sự phù hợp của ngôn bản với đối tượng tiếp nhận và bối cảnh.	Xem xét sự phù hợp và duyệt các ngôn bản do mỗi nhóm lựa chọn từ các trang web học tiếng Anh; Hỗ trợ sinh viên làm rõ các yêu cầu của đề giữa kỳ; Hỗ trợ, dẫn dắt phần hỏi đáp về bài phân tích; Quan sát mức độ sinh viên nhận diện đặc điểm thể loại, mối quan hệ giữa lựa chọn ngôn ngữ tới các mục đích truyền thông tin và kênh truyền thông tin.

00	Bài cuối kỳ	Phân tích 1 bài viết học thuật của bản thân (cùng thể loại với các bài luận đã phân tích ở bài giữa kỳ) và đánh giá xem các chọn lựa ngôn ngữ phù hợp với mục đích giao tiếp và đặc điểm chung của thể loại đến mức nào; Điều chỉnh ngôn ngữ trong bài để nâng cao hiệu quả truyền tải thông tin và sự phù hợp và sự phù hợp của ngôn bản với đối tượng tiếp nhận và bối cảnh; Phản hồi: các điều chỉnh ngôn ngữ ảnh hưởng tới hiệu quả truyền tải thông tin và sự phù hợp, sự phù hợp của ngôn bản với đối tượng tiếp nhận và bối cảnh như thế nào, đồng thời giải thích vì sao.	Qua các tư vấn trực tuyến, hỗ trợ sinh viên làm rõ các yêu cầu của đề cuối kỳ; Đối chiếu bài viết gốc và bài viết được điều chỉnh để xác định sự tiến bộ của sinh viên trong kỹ năng viết.

Như trình bày ở Bảng 1, trong 3 buổi thuyết giảng, sinh viên tìm hiểu kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học như các khái niệm, bình diện ngôn ngữ và làm quen với kỹ năng phân tích ngôn ngữ liên quan thông qua các hoạt động phân tích thể loại ở quy mô nhỏ do giáo viên dẫn dắt. Như vậy, sau mỗi giờ thuyết giảng, ngoài việc thu nhận được các kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ, sinh viên được quan sát cách giáo viên thực hiện các thao tác phân tích và được hướng dẫn cách thức vận dụng những kiến thức, kỹ năng đó trên các ngôn bản cụ thể.

Ba giờ tư vấn học là thời gian để sinh viên thực hiện các nhiệm vụ phân tích ngôn bản theo thể loại được giáo viên lựa chọn với tiêu chí giảm dần về độ quen thuộc và tăng dần về tính phức tạp (về kết cấu ngôn bản và văn phong). Quá trình thực hiện các nhiệm vụ này là cơ hội để sinh viên tập trung vận dụng kiến thức ngôn ngữ vừa học ở giờ thuyết giảng vào phân tích các ngôn bản dưới sự tư vấn, giải đáp của giáo viên. Do các ngôn bản được chọn theo từng thể loại - có mục đích và bối cảnh sử dụng tương đồng, quá trình phân tích chuỗi ngôn bản cùng một thể loại cho phép sinh viên *khái quát về đặc điểm chung của thể loại* đó, cũng như có *nhận thức tổng quát* về việc để thực hiện cùng một mục đích giao tiếp, trong cùng một kiểu tình huống, người ta có xu hướng lựa chọn ngôn ngữ như thế nào. Các yêu cầu về đánh giá chọn lựa ngôn ngữ trong ngôn bản cũng như điều chỉnh ngôn ngữ sao cho phù hợp mục đích giao tiếp, đối tượng tiếp nhận và bối cảnh là những nội dung được giáo viên tập trung định hướng, dẫn dắt hoạt động hỏi đáp để sinh viên xác định rõ lý do của các nhận định đánh giá và sự cần thiết phải điều chỉnh một số chọn lựa ngôn ngữ nhằm tăng chất lượng của các ngôn bản gốc được phân tích.

Sau các bài giảng và các giờ tư vấn học với hướng dẫn cụ thể của giáo viên khi chuẩn bị và thảo luận, bài giữa kỳ theo nhóm là cơ hội để sinh viên tự chủ tìm kiếm ngôn bản, phân tích, đánh giá, và chỉnh sửa các chọn lựa ngôn ngữ trong ngôn bản gốc một cách tổng quát và đa diện theo cả 3 siêu chức năng ngôn ngữ. Bài giữa kỳ yêu cầu sinh viên *phân tích sâu về ngôn ngữ*, đánh giá đặc điểm chung của thể loại xét theo 3 hệ thống chuyển tác, thức, và đề thuyết, về mức độ phù hợp của các chọn lựa ngôn ngữ trong mỗi ngôn bản với thể loại của chúng, với mục đích giao tiếp, đối tượng tiếp nhận và các đặc điểm bối cảnh cụ thể khác của từng ngôn bản. Các nhóm được yêu cầu lựa chọn và phân tích từ 3 đến 5 bài luận học thuật thuộc 1 trong 3 thể loại: tường thuật, miêu tả, hoặc nghị luận. Cũng như ở các giờ tư vấn học, hoạt động thảo luận sau trình bày của mỗi nhóm được định hướng, khai thác để

sinh viên trình bày, giải thích rõ hơn và phản biện phần phân tích, phần đánh giá và đề xuất điều chỉnh ngôn bản giữa các sinh viên với nhau, tạo nên một điểm nhấn để sinh viên *hiểu thấu đáo* về mối tương quan giữa ngôn ngữ và mức độ phù hợp thể loại và bối cảnh, hiệu quả của các ngôn bản theo thể loại.

Bài cuối kỳ được thực hiện cá nhân, và nộp sau khi khóa học kết thúc 2 tuần. Sinh viên được yêu cầu chọn một trong số các bài viết đã hoàn thành của bản thân theo đúng thể loại đã phân tích ở bài giữa kỳ, sau đó phân tích bài viết theo các bình diện ngôn ngữ. Đây là cơ hội để sinh viên thể hiện khả năng *vận dụng những kiến thức, kỹ năng, hiểu biết thể loại ngôn bản đã tích lũy được để nâng cao khả năng viết ngoại ngữ* của bản thân trong một thể loại cụ thể và với một chủ đề cụ thể. Những trải nghiệm với kiến thức ngôn ngữ, kỹ năng phân tích ngôn ngữ và kỹ năng phân tích thể loại trong các giờ thuyết giảng, tư vấn học, cũng như trong bài giữa kỳ là bước chuẩn bị cho quá trình cải thiện bài viết này.

Nói cách khác, sau khi sinh viên được học những kiến thức, kỹ năng phân tích ngôn ngữ qua các giờ thuyết giảng, các hoạt động phân tích thể loại sử dụng trong các buổi tư vấn học, yêu cầu trong bài tập giữa kỳ và bài tập cuối kỳ có chức năng dẫn dắt sinh viên lần lượt qua 3 bậc tăng dần về độ phức tạp và sâu sắc về kiến thức, kỹ năng. Trong quá trình can thiệp sư phạm ở nghiên cứu này, sinh viên được hướng dẫn phát triển kiến thức, kỹ năng phân tích ngôn ngữ, nhận diện về thể loại, và kỹ năng viết ngoại ngữ theo thể loại theo một mô hình cầu thang 3 bậc. Sinh viên lần lượt đi từ bậc thấp nhất: nhận thức tổng quát về thể loại và tương quan giữa chọn lựa ngôn ngữ và hiệu quả, mức độ phù hợp của ngôn bản, tiếp đến bậc cao hơn: phân tích sâu về ngôn ngữ, hiểu thấu đáo về đặc điểm một số thể loại nhất định và cuối cùng là bậc cao nhất: vận dụng những kiến thức, kỹ năng, hiểu biết ngôn bản đã tích lũy được để nâng cao khả năng viết ngoại ngữ của bản thân. Phần can thiệp với các mục tiêu nhỏ theo từng giai đoạn được tóm tắt trong Bảng 2.

Bảng 2. Mô hình can thiệp sư phạm

<table>
<tr><td colspan="4">GIẢ THUYẾT: Kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng viết có mối quan hệ tương hỗ (Ortega, 2010), vì vậy các hoạt động phân tích thể loại yêu cầu sinh viên vận dụng kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ để phân tích, đánh giá ngôn bản thuộc thể loại cụ thể có thể làm tăng năng lực viết trong thể loại đó.</td></tr>
<tr><td rowspan="2">THUYẾT GIẢNG</td><td colspan="2">TƯ VẤN HỌC TRỰC TIẾP VÀ TRÌNH BÀY BÀI GIỮA KỲ TRÊN LỚP</td><td rowspan="2">TƯ VẤN HỌC TRỰC TUYẾN VÀ BÀI TẬP CUỐI KỲ Ở NHÀ</td></tr>
<tr><td>Luyện tập phân tích thể loại</td><td>Bài giữa kỳ với hoạt động phân tích thể loại</td></tr>
<tr><td></td><td>Theo nhóm và cả lớp</td><td>Theo nhóm</td><td>Cá nhân</td></tr>
<tr><td colspan="4"> 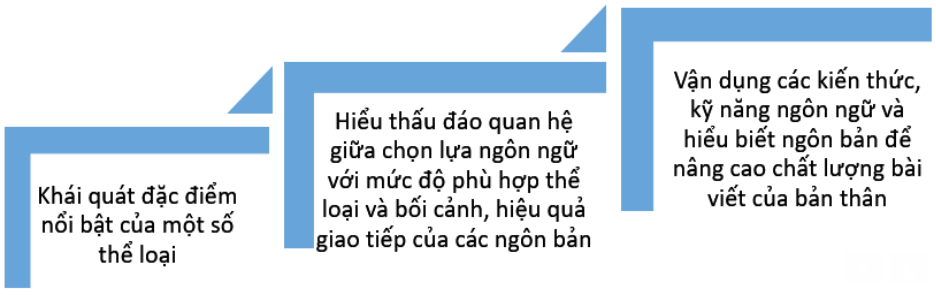
</td></tr>
<tr><td colspan="4">MỤC ĐÍCH: Các kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ và nhận biết về thể loại có thể được vận dụng để cải thiện kỹ năng viết của sinh viên</td></tr>
</table>

Như vậy, để đi từ giả thuyết nghiên cứu đến mục đích nghiên cứu, sinh viên cần "bước" dần lên 3 "bậc thang" kiến thức kỹ năng thông qua việc thực hiện lần lượt các hoạt động sau với mỗi nội dung học: thu nhận kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ qua thuyết giảng của giáo viên, vận dụng các kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ qua các hoạt động luyện tập phân tích thể loại do giáo viên thiết kế và dẫn dắt, và thể hiện khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để nâng cao toàn diện khả năng đánh giá ngôn bản và sản sinh ngôn ngữ qua các nhiệm vụ kiểm tra đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ.

Quan sát, thu thập và phân tích dữ liệu

Quá trình quan sát, thu thập dữ liệu được tiến hành chủ yếu song song với hoạt động dạy học trong các buổi thuyết giảng, tư vấn học trên lớp, và trình bày kết quả bài giữa kỳ của sinh viên. Quá trình này cũng được kết hợp thêm qua tương tác giữa giáo viên và sinh viên sau giờ học, trong các giờ giải lao và các giờ tư vấn học trực tuyến.

Dữ liệu về tác động của hoạt động phân tích thể loại tới nhận thức của sinh viên về thể loại và về tầm quan trọng của lựa chọn ngôn ngữ đến hiệu quả hiện thực hóa mục đích giao tiếp, sự phù hợp của ngôn ngữ với đối tượng tiếp nhận và bối cảnh của ngôn bản được thu thập trong quá trình giáo viên tương tác với sinh viên khi thuyết giảng, phân tích thể loại trên lớp, hỏi đáp và thảo luận trong các buổi tư vấn học hoặc sau trình bày bài giữa kỳ. Những điểm nổi bật quan sát được qua quá trình tương tác với sinh viên được ghi chép lại.

Dữ liệu về sự thay đổi trong kỹ năng viết của sinh viên được thu thập qua phân tích bài làm của sinh viên, cụ thể là những điều chỉnh chọn lựa ngôn ngữ và giải thích về việc tại sao cần có những điều chỉnh như đã thực hiện. Các điều chỉnh ngôn ngữ trong bài làm của sinh viên được phân tích để xác định những thay đổi trong kỹ năng viết: các lựa chọn ngôn từ được điều chỉnh cho phù hợp với thể loại, bối cảnh, và cộng hưởng để phát huy tối đa hiệu quả giao tiếp của ngôn bản đến đâu. Đồng thời, phần giải thích các điều chỉnh ngôn ngữ của sinh viên được phân tích để tìm hiểu mức độ sinh viên áp dụng các hiểu biết về thể loại ngôn bản ra sao trong hoạt động đánh giá ngôn bản và cải thiện kỹ năng viết của bản thân.

Bên cạnh đó, qua trao đổi, trò chuyện với sinh viên trong giờ nghỉ giải lao, tác giả đồng thời thu thập dữ liệu về những thay đổi trong nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của những lựa chọn ngôn ngữ đối với việc đạt mục đích giao tiếp, đối tượng tiếp nhận và bối cảnh của ngôn bản, qua đó có thêm những nhận định về mức độ sinh viên áp dụng các hiểu biết về thể loại ngôn bản ra sao trong hoạt động đánh giá ngôn bản và cải thiện kỹ năng viết của bản thân.

5. Kết quả và thảo luận: Hiệu quả của hoạt động phân tích thể loại

Dữ liệu thu về từ các nguồn quan sát, thu thập dữ liệu được phân tích, từ đó có thể khái quát được một số nhận định nổi bật.

5.1. Hiểu biết không đầy đủ về thể loại ngôn bản có thể hạn chế khả năng sinh viên nhận diện sự thiếu hợp lý giữa chọn lựa ngôn ngữ với việc đạt mục đích giao tiếp trong các ngôn bản cụ thể.

Có thể quan sát thấy trong buổi tư vấn học đầu tiên rằng phần lớn sinh viên thiếu quan tâm tới các đặc điểm nổi bật của thể loại, những đặc điểm chung thường thấy trong các ngôn bản thuộc một thể loại nhất định, và mối tương quan giữa các chọn lựa ngôn ngữ trong bài với mục đích giao tiếp của ngôn bản. Dưới đây là phần hướng dẫn của nhiệm vụ phân tích thể loại trong buổi tư vấn học Tutorial 1.

Task: How much does the realization of mood and modality in the information signs support the communicative effectiveness of the signs? What modifications would you make to enhance the communicative effectiveness?
(Thức và tình thái được hiện thực hóa như thế nào trong biển thông tin để hỗ trợ việc truyền tải thông tin hướng dẫn? Cần có những thay đổi gì để tăng hiệu quả truyền tải thông tin?)

Hình 2. Yêu cầu nhiệm vụ phân tích thể loại ngôn bản dùng trong Tutorial 1

Khi được yêu cầu phân tích và nhận xét về thức và tình thái trong các ngôn bản là các biển hướng dẫn, nhìn chung sinh viên sử dụng được những kiến thức đã học về thức và tình thái để phân tích ngôn ngữ trong các biển. Tuy nhiên, sinh viên chủ yếu tập trung phân tích và nhận xét phản biện về tính chính xác xét về mặt ngữ pháp của cấu trúc thức và động từ tình thái khuyết thiếu, mà không đưa ra được những nhận định khái quát hơn về mức độ phù hợp khi lựa chọn các kiểu loại thức hay thể loại và mức độ tình thái để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của biển hướng dẫn. Khi được giáo viên gợi ý "Biển hướng dẫn nói chung được sử dụng với mục đích gì mà thức và tình thái được sử dụng như vậy? Có cần thay đổi thức của câu nào hay không? Có cần điều chỉnh mức độ tình thái của câu nào không?" đa phần sinh viên khá ngập ngừng với câu trả lời mặc dù phần bài làm đã được các nhóm thảo luận khá lâu. Các nhóm đều cần thêm thời gian thảo luận để có được câu trả lời cho câu hỏi gợi ý của giáo viên và hoàn thiện phần phân tích. Tuy nhiên, ngay cả khi được giáo viên gợi ý, kết quả các nhóm nhận xét, đánh giá về thức và tình thái trong ngôn ngữ của các biển hướng dẫn, cũng như điều chỉnh về thức và tình thái sử dụng trong biển cũng chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Trong số 4 nhóm được phân chia để thực hiện phân tích và điều chỉnh ngôn bản, 3 nhóm chỉ đưa ra những nhận xét tương đối rời rạc ở cấp độ từ vựng và cụ thể với từng phần nội dung trong biển hướng dẫn, chứ không liên hệ được ở mức độ khái quát hơn với hiệu quả truyền thông tin hoặc mức độ rõ ràng, thu hút người đọc của biển hướng dẫn. Chỉ 1 trong số 4 nhóm có nỗ lực đưa ra nhận xét về sự phân bổ các thể loại thức trong ngôn bản.

Quá trình trao đổi với sinh viên trong giờ giải lao cho thấy lý do sinh viên không hoàn thành được đúng yêu cầu phân tích, đánh giá, điều chỉnh ngôn ngữ trong hoạt động phân tích thể loại dường như chủ yếu là do sinh viên chưa từng trải qua nhiệm vụ tương tự. Mặc dù sinh viên đã có cơ hội tiếp xúc với nhiều thể loại ngôn ngữ qua các giờ học thực hành tiếng ngoại ngữ, sinh viên chưa từng tìm hiểu rõ những đặc trưng khái quát của từng thể loại ngôn bản. Khi tiếp xúc với ngôn bản trong các giờ thực hành tiếng, sinh viên chủ yếu phân tích các cấu trúc diễn đạt, phản biện về các lỗi chính tả và ngữ pháp chứ chưa từng có cơ hội phản biện xem ngôn ngữ được lựa chọn trong các ngôn bản đã đáp ứng đặc điểm này chưa.

> "Thực ra không hẳn là không làm được, chỉ là em chưa bao giờ biết là cần chú ý đến nhiều tiêu chuẩn đến thế. Em chỉ nghĩ là đánh giá cái biển đấy thôi, nhưng hóa ra là còn có quy chuẩn chung cho các loại biển, và mình phải quan tâm đến nó thì mới chuẩn được." (S14)

Như vậy, nếu sinh viên được hướng dẫn để hình thành hiểu biết đầy đủ hơn về các đặc điểm của ngôn bản và thể loại ngôn bản trên nhiều khía cạnh ngôn ngữ, có nhiều khả năng sinh viên sẽ phân tích, đánh giá các ngôn bản toàn diện hơn, và quan tâm thỏa đáng hơn tới mối quan hệ giữa chọn lựa ngôn ngữ và đặc

thù của thể loại ngôn bản. Trong buổi tư vấn học Tutorial 2 và 3, rút kinh nghiệm từ buổi Tutorial 1, trong các hoạt động phân tích ngôn ngữ, sinh viên chủ động so sánh, đối chiếu sự hợp lý giữa mục đích chung của thể loại và mục đích cụ thể của từng ngôn bản với các lựa chọn ngôn ngữ.

5.2. Hoạt động phân tích thể loại giúp sinh viên hình thành thói quen khai thác các kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ đã học, phân tích, liên hệ yếu tố bối cảnh, mục đích giao tiếp trong quá trình xem xét đánh giá và lựa chọn ngôn ngữ.

Trong buổi tư vấn học Tutorial 2, ngoài việc so sánh, đánh giá bài viết giới thiệu điểm tham quan, du lịch được thu thập từ các trang thông tin du lịch trong tương quan với thể loại và mục đích cụ thể của bài viết, sinh viên còn được giao nhiệm vụ chuyển đổi các bài viết này sang thành bài thuyết minh của hướng dẫn viên tại điểm du lịch cho một đối tượng người nghe cụ thể. Như vậy, ngôn bản gốc và ngôn bản điều chỉnh có cùng một nội dung nhưng khác nhau về kênh truyền tải và đối tượng tiếp nhận. Nói cách khác, nội dung (the what) của ngôn bản cần được giữ nguyên, nhưng cách thức truyền tải (the how) của ngôn bản cần được thay đổi cho hợp kênh truyền tải và bối cảnh mới, và đặc biệt là với đối tượng tiếp nhận được cụ thể hóa cho từng nhóm. Trong khi ngôn bản gốc được truyền tải dạng viết với đối tượng người đọc rộng thì ngôn bản điều chỉnh được truyền tải dạng nói (có thể có tương tác) và đối tượng được xác định cụ thể là khách du lịch người Mỹ, khách du lịch Trung Quốc, khách du lịch đa quốc tịch là thanh niên Đông Nam Á, v.v… với văn hóa nền và độ tuổi khác nhau. Mục đích của yêu cầu này là để nhấn mạnh vào mục đích ngôn bản và đối tượng của ngôn bản - 2 yếu tố quan trọng bậc nhất cần được quan tâm xem xét kỹ khi sử dụng ngôn ngữ để thực hiện bất cứ hoạt động xã hội nào (Pasquarelli, 2006). Việc sinh viên có thể bao quát được các yếu tố về đối tượng tiếp nhận và bối cảnh cụ thể (kênh truyền tải và địa điểm thực hiện) là minh chứng cho việc sinh viên có khả năng tận dụng tối đa các quan sát về bối cảnh và đặc điểm thể loại trong quá trình lựa chọn ngôn ngữ.

Task: How much does the realization of transitivity in the tourism website entries (as provided) support the communicative effectiveness of these texts? Supposing that you are a tour guide introducing the places to the tourists, how would you change the texts into your tour commentaries with the same contents? What modification would you make and why? *(Hệ thống chuyển tác của các bài giới thiệu trên trang web du lịch có ảnh hưởng như thế nào tới hiệu quả truyền tải thông tin của bài viết? Nếu em là hướng dẫn viên thuyết minh nội dung tương tự cho khách du lịch tại điểm đến, em sẽ điều chỉnh bài như thế nào?)*

Hình 3. Yêu cầu nhiệm vụ phân tích thể loại ngôn bản dùng trong Tutorial 2

Theo quan sát của giáo viên trong buổi hướng dẫn học này, bên cạnh việc vận dụng kiến thức về hệ thống chuyển tác và các kỹ năng phân loại kiểu quá trình, tham thể, chu cảnh để phân tích ngôn bản gốc, sinh viên chủ động thảo luận, phân tích cụ thể bối cảnh của ngôn bản gốc và ngôn bản cần điều chỉnh một cách hoàn toàn tự giác, không cần dẫn dắt, gợi ý của giáo viên. Các thảo luận nhóm đề cập tới một số điểm lớn:

+ Bài thuyết minh dạng nói trực tiếp với khách du lịch thường có đặc điểm gì nổi bật? (phần dẫn dắt, các yếu tố tương tác, mức độ trực tiếp và gián tiếp trong lời nói, phân bổ

nội dung cho miêu tả, kể chuyện, tương tác nên ra sao?)

+ Mục đích chính của bài thuyết minh cho khách du lịch là gì? (miêu tả, kể chuyện, tương tác để hoạt náo giải trí?)

+ Các quá trình (process) nên được khai thác ra sao để phù hợp mục đích trên?

Các nội dung được sinh viên thảo luận cho thấy, khi hiểu được mối quan hệ mật thiết giữa ngôn ngữ trong ngôn bản với thể loại, mục đích giao tiếp và bối cảnh, sinh viên có xu hướng chủ động hơn trong việc khai thác các thông tin này vào hoạt động phân tích và điều chỉnh ngôn bản. Dưới đây là một ví dụ về sản phẩm của một nhóm được trình bày thành bài tập nộp cho giáo viên.

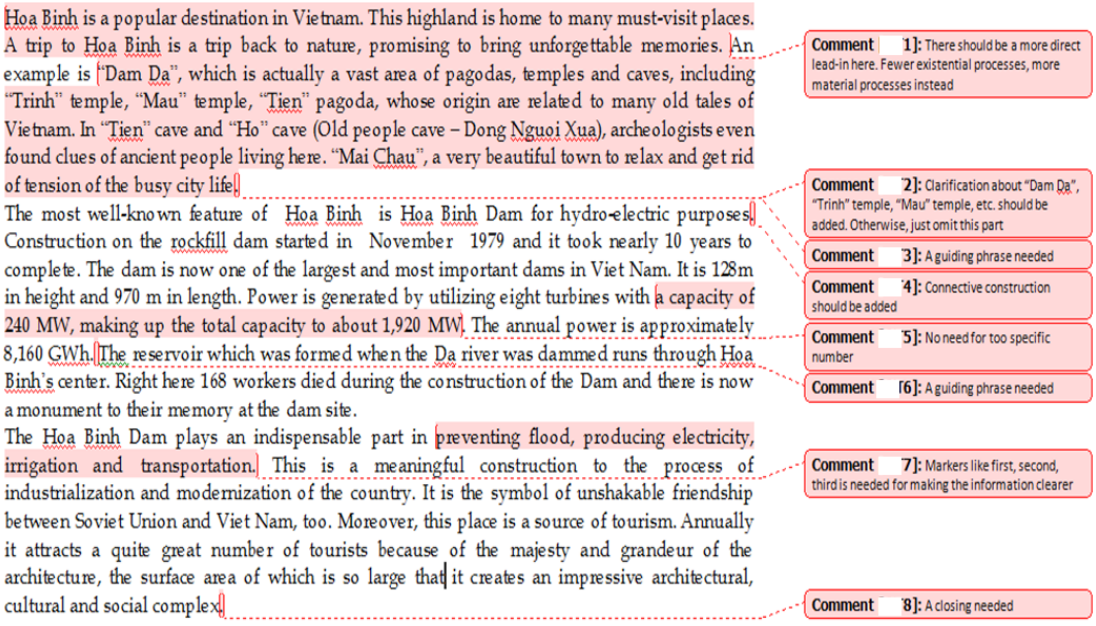

Hình 4. Ví dụ minh họa phần đánh giá và đề xuất điều chỉnh bài viết thành bài thuyết minh của nhóm sinh viên trong Tutorial 2

Có thể thấy ở phần minh họa bài làm của nhóm sinh viên tại Hình 4 rằng: ngoài những điều chỉnh nhỏ lẻ ở cấp độ từ vựng như ở Tutorial 1, sinh viên đã mạnh dạn nhận xét và đề xuất những điều chỉnh có tính bao quát cao hơn – điều chỉnh về cấu trúc của bài sao cho tăng hiệu quả thực hiện mục đích giao tiếp. Các kiểu quá trình sử dụng trong bài cũng được đề xuất thay đổi nhằm thay đổi cục diện chung của hệ thống chuyển tác trong toàn bài. Trong phần trình bày nói (nhập vai hướng dẫn viên du lịch) của mình, các nhóm cũng chuyển một số câu từ thức chỉ định sang thức nghi vấn, biến các câu kể thành câu hỏi tu từ để tăng cường mục đích tương tác của bài thuyết minh).

Các nỗ lực phân tích mục đích của thể loại và bối cảnh bài thuyết minh không chỉ thể hiện qua các phần bình luận đánh giá trên bài, mà còn ở các giải thích cho mỗi phần bình luận đánh giá. Khi được hỏi lý do cho đề xuất không sử dụng các con số quá chi tiết (Comment 5: "no need for too specific number"), nhóm sinh viên đã giải thích rằng: vì bài thuyết minh là dạng nói, lại ở không gian mở, nên các thông tin đưa ra sẽ chỉ "lướt nhanh qua tai" của người nghe chứ không thể đọng lại cụ thể, tỉ mỉ từng con số, vì vậy việc cố đưa vào những con số

chi tiết vừa gây áp lực cho người hướng dẫn, vừa không có tác dụng với người nghe. Khi hỏi tại sao cần có những từ nối, từ đánh dấu diễn ngôn như: first, second, third, v.v. (Comment 4, 7), giáo viên nhận được giải thích rằng: vì bài thuyết minh là dạng nói nên người nghe không có cơ hội xem đi xem lại thông tin, và thông tin dễ bị bỏ lỡ khi nghe, việc đưa các từ đánh dấu các ý chính vào là để hỗ trợ cho người nghe không bỏ sót các ý, tăng tính mạch lạc của bài thuyết minh. Các nhận xét về nội dung cần điều chỉnh cho thấy dường như sinh viên đã hình thành mối quan tâm đến bối cảnh và xem xét khá cụ thể về các đặc điểm thể loại và bối cảnh. Các thông tin về bối cảnh cùng các đặc điểm thể loại được làm rõ là cơ sở cho sinh viên mạnh dạn đưa những đề xuất về việc điều chỉnh hệ thống chuyển tác cũng như bổ sung các phần tương tác nhằm chuyển bài viết thành bài thuyết minh dạng nói. Hai trong số 4 nhóm đã có những điều chỉnh hiệu quả và "diễn xuất" phần thuyết minh thành công. Hai nhóm còn lại ít thành công hơn trong phần "diễn xuất" bài thuyết minh, nhưng chủ yếu là do kỹ năng tiếng của sinh viên chứ không phải do sinh viên không kết nối được các điều chỉnh với đặc điểm thể loại, mục đích ngôn bản và bối cảnh.

Trong buổi tư vấn học Tutorial 3, sinh viên được tự lựa chọn ngôn bản phân tích trong số các thể loại được gợi ý. Do các ngôn bản được chính các nhóm lựa chọn nên nhìn chung sinh viên tỏ ra tự tin và thích thú với hoạt động phân tích thể loại hơn trong 2 buổi tư vấn học Tutorial 1 và 2. Yêu cầu phân tích thể loại trong Tutorial 3 như sau.

Task: How much does the realization of thematic structure and cohesive devices in the blog posts / product manuals / course information leaflets / travel brochures / book introductions / academic compositions support the communicative effectiveness of these texts? What modifications would you make to enhance the communicative effectiveness? *(Cấu trúc đề thuyết và các phương tiện liên kết hỗ trợ việc đạt hiệu quả giao tiếp như thế nào trong các bài đăng trên blog / hướng dẫn sử dụng sản phẩm / tờ rơi giới thiệu khóa học / tài liệu hướng dẫn du lịch / phần giới thiệu sách / bài luận được chọn? Cần có điều chỉnh gì để nâng hiệu quả giao tiếp của các ngôn bản này?)*

Hình 5. Yêu cầu nhiệm vụ phân tích thể loại ngôn bản dùng trong Tutorial 3

Với trải nghiệm phân tích thể loại trong 2 buổi hướng dẫn học trước, ở buổi Tutorial 3, sinh viên tự tin hơn và mạnh dạn đưa ra những nhận định, đánh giá về phương tiện liên kết và cấu trúc đề thuyết không chỉ ở cấp độ từ, cú, mà còn ở cấp độ trên/liên cú - đánh giá diễn tiến đề thuyết (thematic progression) trong cả đoạn hoặc cả bài. Sinh viên hầu như cần hỗ trợ rất ít từ giáo viên, nhưng vẫn chủ động với những thảo luận nhóm. Quan trọng hơn là các thảo luận nhận định, đánh giá và đề xuất điều chỉnh ngôn bản đều gắn với việc phân tích đặc điểm đối tượng tiếp nhận và bối cảnh của ngôn bản.

Các trao đổi sau buổi Tutorial 3 của giáo viên với sinh viên cho thấy: với hoạt động phân tích thể loại được sử dụng liên tiếp qua 2 buổi tư vấn học và được mô phỏng, làm mẫu qua hoạt động thuyết giảng của giáo viên, sinh viên hiểu khá rõ tầm quan trọng của những hiểu biết ngôn ngữ học chuyên sâu với quá trình tiếp nhận, xử lý và sản sinh ngữ liệu. Bên cạnh đó, hiểu biết về đặc thù thể loại có thể giúp sinh viên đánh giá được sự phù hợp của các chọn lựa ngôn ngữ với bối cảnh, vì vậy việc liên hệ với thể loại, đối tượng tiếp nhận và các đặc điểm bối cảnh khác khi phân tích,

đánh giá ngôn ngữ trở thành thao tác tất yếu.

> "…rõ là khi liên hệ với context, audience, mode thì mới thấy viết như vậy là đã hợp chưa, ổn chưa, và sẽ thấy việc chỉnh gì, sửa gì rõ ràng hơn nhiều, chắc luôn cần làm thế…" (S5)

Có thể thấy khi đã quen thực hiện các hoạt động phân tích thể loại, sinh viên dần hình thành thói quen vận dụng hiểu biết ngôn ngữ chuyên sâu trong xử lý và sản sinh ngoại ngữ, và đối chiếu ngôn ngữ và bối cảnh để đánh giá mức độ hiệu quả và phù hợp của ngôn ngữ, làm cơ sở cho các đánh giá và điều chỉnh nếu cần thiết.

5.3. Các hoạt động học và kiểm tra dựa trên phân tích thể loại giúp sinh viên khai thác được các kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ vào việc nâng cao hiệu quả giao tiếp và chất lượng ngôn bản, có khả năng tự đánh giá và cải thiện bài viết của bản thân.

Trong nhiệm vụ thuyết trình giữa kỳ, các nhóm được yêu cầu phân tích 3 đến 5 bài luận mẫu (do sinh viên tự thu thập) để nhận xét, đánh giá, và chỉnh sửa các chọn lựa ngôn ngữ trong ngôn bản gốc một cách tổng quát và đa diện theo cả 3 siêu chức năng ngôn ngữ, cụ thể là theo 3 hệ thống thức, chuyển tác, và đề ngữ và các đặc điểm về liên kết ngôn bản và tình thái. Ở bài cuối kỳ, sinh viên thực hiện nhiệm vụ tương tự với một bài viết của bản thân, được sinh viên tự lựa chọn sao cho giống với thể loại đã phân tích theo nhóm ở giữa kỳ. Bên cạnh nhiệm vụ phân tích như đã làm ở giữa kỳ, sinh viên được yêu cầu phản hồi về sự khác biệt giữa chất lượng bài viết cũ và bài viết sau điều chỉnh, và ý nghĩa của những thay đổi được tạo ra qua quá trình điều chỉnh ngôn ngữ.

Quá trình phân tích bài làm của sinh viên cho thấy hơn 90% (19/21) sinh viên có khả năng cải thiện bài viết của mình về một trong số hoặc cả ba bình diện chức năng của ngôn ngữ. Sau khi tích lũy kinh nghiệm phân tích, đánh giá trong các hoạt động phân tích thể loại từ các buổi học trước, sinh viên không chỉ dừng ở việc điều chỉnh cấu trúc đề thức ở các cú đơn lẻ (đảo trật tự thành phần câu để thay đổi đề ngữ) hay thay đổi các từ vựng kết nối mà mạnh dạn đề xuất việc điều chỉnh để làm thay đổi diễn tiến đề thức ở một cả một chuỗi các cú, nhằm nâng tính mạch lạc của cả đoạn.

The original text	Simple outside yet elegantly complex inside, banh *mi* has proved to be highly appetizing with its dedicated blend of sour, salty, spicy and sweet flavors – **all in one**. The base of this mouthwatering sandwich is a light and crispy baguette with a thin crust. The add-ons are plenty and you can choose whatever you want to add to your *banh mi*, with your own style
Modification	Simple outside yet elegantly complex inside, banh *mi* has proved to be highly appetizing with its dedicated blend of sour, salty, spicy and sweet flavors – **all can be found in the crunchy French-style baguette and its magical fillings**. The base of this mouthwatering sandwich is a light and crispy baguette with a thin crust. The add-ons are plenty and you can choose whatever you want to add to your *banh mi*, with your own style.
Reason(s) for modification	The body paragraph should be comprehensive as it contains the core information I would like to convey to the readers. In this case, the use of zig-zag pattern is more preferable as it shows dynamic progression of the ideas. However, the inconsistent use of theme and rheme can be seen in these sentences. At first, I mention banh mi and its appetizing blend of flavors (Rheme) and this sentence is expected to be the bridge to talk about the two significant parts of the bread (the base and the add-ons). However, the linking cannot be explicitly seen here. Consequently, I create a multiple theme progression R1: **crunchy French-style baguette and its magical fillings** → T2: The base of this mouthwatering sandwich R1: **crunchy French-style baguette and its magical fillings** → T3: The add-ons

Hình 6. Minh họa bài làm của sinh viên với các thay đổi ngôn ngữ kèm giải thích

Như quan sát được ở Hình 6, từ đoạn văn với 3 câu tương đối rời rạc theo mô hình mô hình đề ngữ đơn kề sát nhau (simple contiguous constant thematic pattern), sinh viên đã mạnh dạn biến đổi thành mô hình đề ngữ đa phân nhánh (multiple separation thematic pattern) để tăng sự kết nối và mạch lạc giữa 3 câu trong đoạn. Mặc dù sinh viên còn chút nhầm lẫn khi gọi tên loại diễn tiến đề ngữ trong văn bản gốc (zig-zag (linear) thematic pattern thay vì simple contiguous constant thematic pattern), nhưng điều này không làm ảnh hưởng tới hiệu quả của các điều chỉnh ngôn ngữ. Bài viết của sinh viên sau các điều chỉnh liên quan đến diễn tiến đề ngữ trở nên mạch lạc hơn. Ngoài những cải thiện về tính mạch lạc, hiệu quả truyền thông tin, và giọng văn thấy được qua ngôn bản điều chỉnh, những lý giải dựa trên mục đích, thể loại của ngôn bản trong các chú giải lý do điều chỉnh ngôn ngữ cho thấy sinh viên đã ít nhiều kết nối được kiến thức ngôn ngữ học thuần túy vào nâng cao hiệu quả sử dụng ngoại ngữ, mà cụ thể ở đây là kỹ năng viết ngoại ngữ, của bản thân.

Ngoài ra, một điểm tích cực có thể quan sát được qua bài làm của sinh viên là: sinh viên, ở một mức độ nhất định, đã có khả năng tự đánh giá bài viết của chính mình một cách chi tiết theo các khái niệm, bình diện ngôn ngữ đã học trong khóa học và tự nhìn nhận được cách điều chỉnh bài viết của bản thân để tăng hiệu quả truyền thông tin, tính mạch lạc của bài viết và sự phù hợp về giọng văn với thể loại bài viết được lựa chọn.

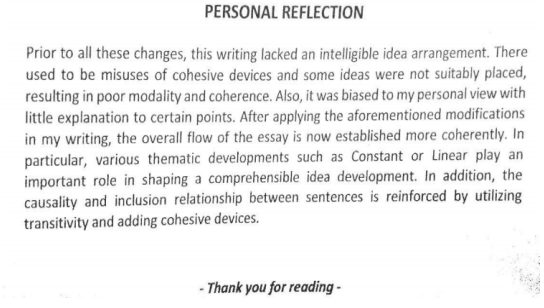

PERSONAL REFLECTION

Prior to all these changes, this writing lacked an intelligible idea arrangement. There used to be misuses of cohesive devices and some ideas were not suitably placed, resulting in poor modality and coherence. Also, it was biased to my personal view with little explanation to certain points. After applying the aforementioned modifications in my writing, the overall flow of the essay is now established more coherently. In particular, various thematic developments such as Constant or Linear play an important role in shaping a comprehensible idea development. In addition, the causality and inclusion relationship between sentences is reinforced by utilizing transitivity and adding cohesive devices.

- Thank you for reading -

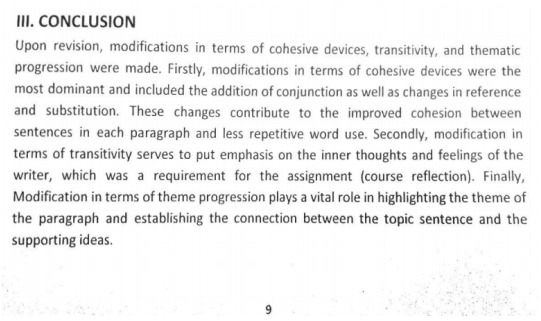

III. CONCLUSION

Upon revision, modifications in terms of cohesive devices, transitivity, and thematic progression were made. Firstly, modifications in terms of cohesive devices were the most dominant and included the addition of conjunction as well as changes in reference and substitution. These changes contribute to the improved cohesion between sentences in each paragraph and less repetitive word use. Secondly, modification in terms of transitivity serves to put emphasis on the inner thoughts and feelings of the writer, which was a requirement for the assignment (course reflection). Finally, Modification in terms of theme progression plays a vital role in highlighting the theme of the paragraph and establishing the connection between the topic sentence and the supporting ideas.

9

Hình 7. Minh họa về phản hồi của sinh viên

Những phản hồi như minh họa trên đây cho thấy hoạt động phân tích thể loại đã đóng vai trò "cầu nối" khá hiệu quả để sinh viên biết vận dụng các kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ vào đánh giá chính bài viết của bản thân, tự xác định những điểm chưa hợp lý gây ảnh hưởng tới hiệu quả truyền thông tin, tính mạch lạc của bài viết và sự phù hợp về giọng văn với thể loại bài viết – là cơ sở cho những điều chỉnh để tăng chất lượng bài viết. Mặc dù bài cuối kỳ của 2 trong số 21 sinh viên chưa thể hiện thay đổi, cải thiện rõ nét về việc vận dụng kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ đã học trong điều chỉnh bài viết, các sinh viên này vẫn tiến hành được một số thay đổi nhỏ về từ nối và động từ tình thái.

6. Kết luận

Quá trình sử dụng hoạt động phân tích thể loại trong khóa học ngôn ngữ học được tiến hành trong một nghiên cứu hành động ở một khóa học ngôn ngữ học tiếng Anh. Trong chu kỳ nghiên cứu đầu tiên kéo dài 7 tuần của khóa học, kèm theo 2 tuần sau khóa học dành cho bài kiểm tra cuối kỳ và tư vấn học trực tuyến, các hoạt động phân tích thể loại được sử dụng để quan sát tác động của hoạt động này tới khả năng sinh viên vận dụng kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ cũng như hiểu biết về thể loại tới kỹ năng viết ngoại ngữ của sinh viên.

Trong chu kỳ nghiên cứu đầu tiên này, chuỗi các hoạt động phân tích thể loại được sử dụng

trong 7 tuần như đã mô tả trong bài viết giúp sinh viên dần hiểu được mối quan hệ tương hỗ giữa lựa chọn ngôn ngữ với mục đích giao tiếp của ngôn bản, đối tượng tiếp nhận cũng như các yếu tố bối cảnh của ngôn bản. Qua các hoạt động phân tích thể loại được làm mẫu trong các giờ thuyết giảng, và được sử dụng để luyện tập kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ trong các buổi tư vấn học, sinh viên hình thành thói quen khai thác các kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ đã học, phân tích đặc điểm bối cảnh, mục đích giao tiếp vào quá trình xem xét đánh giá và lựa chọn ngôn ngữ. Từ chỗ ít quan tâm tới mục đích chung và bối cảnh chung của từng thể loại ngôn ngữ, sinh viên hiểu được qua các hoạt động phân tích thể loại rằng các chọn lựa ngôn ngữ đều cần hướng tới mục đích chung – hiệu quả truyền đạt thông tin của ngôn bản. Kết quả này cộng hưởng với kết quả nghiên cứu của Cheng (2015) rằng hoạt động phân tích thể loại giúp người học chú ý hơn tới các đặc trưng thể loại và mục đích giao tiếp đặc thù ẩn sau những đặc trưng đó.

Tác giả cũng phần nào đúc kết được qua việc phân tích các bài tập phân tích thể loại trên lớp và các bài kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ rằng: các hoạt động phân tích thể loại có thể giúp sinh viên biết cách khai thác các kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ vào việc nâng cao hiệu quả giao tiếp và chất lượng ngôn bản, từ đó cải thiện bài viết của bản thân. Việc phân tích bài tập của sinh viên cuối quá trình nghiên cứu cho thấy sinh viên đã có khả năng nhất định trong việc cải thiện bài viết của bản thân với những điều chỉnh dựa trên các kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ được học trong khóa học. Kết quả này tiệm cận với kết luận của Yasuda (2011) rằng các nhiệm vụ học tập khai thác các yếu tố thể loại (genre-based tasks) trong lớp học ngoại ngữ, ngoài việc cung cấp cho người học hiểu biết về thể loại, còn có khả năng nâng cao rõ rệt kỹ năng viết của người học trên một số khía cạnh.

Ngoài ra, trong chu kỳ nghiên cứu đầu tiên như mô tả tại nghiên cứu này, tác giả quan sát thấy: khi các nhận thức về thể loại được chú trọng và nhấn mạnh trong các hoạt động học của sinh viên, sinh viên có xu hướng tự xác định được rõ ràng và toàn diện hơn các vấn đề bất hợp lý trong bài viết của mình. Năng lực tự đánh giá chất lượng bài viết và điều chỉnh chất lượng bài viết theo các quy chuẩn của thể loại ngôn bản được hỗ trợ. Nhờ vậy, sinh viên hình thành được khả năng tự đánh giá chất lượng bài viết, là cơ sở để kỹ năng viết ngoại ngữ của sinh viên không ngừng tăng cao.

Có thể nói, hoạt động phân tích thể loại được sử dụng trong lớp học ngôn ngữ học tại chu kỳ đầu tiên của nghiên cứu này thể hiện được vai trò của hoạt động mang tính "cầu nối", kết nối các bài giảng kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ thuần túy với quá trình sinh viên không ngừng vận dụng các kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ đã học để nâng cao kỹ năng thực hành tiếng, cụ thể là kỹ năng viết ngoại ngữ của bản thân. Việc khai thác các hoạt động phân tích thể loại trong các lớp học ngôn ngữ một cách phù hợp với đối tượng người học và nội dung khóa học có thể đóng vai trò tích cực để giúp khóa học này và các khóa học lý thuyết tiếng tương tự hiện thực hóa được mục tiêu hỗ trợ người học nâng cao kỹ năng thực hành tiếng, là cơ sở để phát huy chức năng của các khóa học chuyên môn kết hợp với ngôn ngữ (CLIL) hiệu quả hơn.

Tài liệu tham khảo

Alcón, E. (2005). Does instruction work for learning pragmatics in the EFL context? *System, 33*, 417–435.

Bawarshi, A. S., & Reiff, M. J. (2010).*Genre: An introduction to history, theory, research, and pedagogy.* West Lafayette, Ind.: [Fort Collins, Colo.]: Parlor Press: WAC Clearinghouse.

Cheng, A. (2006). Understanding learners and learning in ESP genre-based writing instruction. *English for Specific Purposes, 25,* 76–89.

Cheng, A. (2007). Transferring generic features and recontextualizing genre awareness: Understanding writing performance in the ESP genre-basedliteracy framework. *English for Specific Purposes 26,* 287–307.

Cheng, A. (2015). Genre analysis as a pre-instructional, instructional, and teacher development framework. *Journal of English for Academic Purposes, 19*(2015)*,* 125–136.

Cheng, A. (2011). Language features as the pathways to genre: students' attention to non-prototypical features and its implications. J*ournal of Second Language Writing, 20*(1). http://dx.doi.org/10.1016/j.jslw.2010.12.002.

Cozma, M. (2014).The concept of genre in the English language class: Implications for the students' intercultural competence. *Romanian Journal of English Studies, 11*(1), 237-243.

Devitt, A. J., Reiff, M. J., & Bawarshi, A. (2004). *Scenes of writing: Strategies for composing with genres.* New York: Pearson Education.

Halliday, M. A. K., & Hasan, R. (1985*). Language, Context, and Text: Aspects of Language in the Social Semiotic Perspective.* Victoria: Deakin University.

Hyland, K. (2008). Genre and academic writing in the disciplines. *Language Teaching, 41*(4), 543-562.

Hyland, K. (2019). *Second Language Writing* (2nd ed.). New York, Cambridge University Press.

Knapp, P., & Watkins, M. (1994).*Context – Text – Grammar: Teaching the genres and grammar of school writing in infants and primary classrooms*. NSW, Australia: Texts Production.

Kemmis, S., & McTaggart, R. (eds.) (1988) *The Action Research Planner* (3rd ed.). Waurn Ponds: Deakin University Press.

Koike, D., & Pearson, L. (2005). The effect of instruction and feedback in the development of pragmatic competence. *System 33*, 481–501.

Johns, A. M. (2015). Moving on from genre analysis. *Journal of English for Academic Purposes 19*(2015), 113-124.

Ortega, L. (2010). *Exploring interfaces between L2 writing and second language acquisition.* Plenary delivered at the 9th Symposium on Second Language Writing.

Pasquarelli, S. L. (2006). *Teaching writing genres across the curriculum: Strategies for middle school teachers*. Greenwich, Connecticut: Information Age Publishing

Sakari, M., & Hirose, K. (1996). Explanatory variables for EFL students' expository writing. *Language Learning, 46*, 137-174.

Yasuda, S. (2011). Genre-based tasks in foreign language writing: Developing writers' genre awareness, linguistic knowledge, and writing competence. *Journal of Second Language Writing, 20*(2011), 111–133.

THE INFLUENCE OF GENRE ANALYSIS ACTIVITIES ON STUDENTS' WRITING SKILLS DEVELOPMENT

Nguyen Thi Minh Tam

Faculty of Linguistics and Cultures of English-speaking countries,
VNU University of Languages and International Studies
Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Abstract: Studies of genres and genre analysis are more and more welcomed nowadays as the findings from studies on genres and genre features contribute not only to linguistic areas but to the areas of language teaching as well (Cheng 2006, 2008; Johns, 2015). Developing students' awareness of various genres is essential in the sense that with such awareness, students will be able to produce texts of different genres in their future job contexts. In this study, genre analysis activities were introduced to 21 third-year students during 7 weeks of an English linguistic course. In the midterm and end-term assignments, students were required to evaluate and revise texts of one and the same genre. The texts that students produced were then compared in terms of the agreement between the language choices in the texts and the communicative purposes and contextual features of the texts to specify the changes in their English writing skills; observations and informal discussion were also conducted. The possible influences of genre analysis activities on students writing skills development were then discussed.

Keywords: genre, genre analysis, language teaching, writing skills